CTCP Nhựa Việt Nam (UPCOM: VNP)

FireAnt

Ngày 31/12/2024	10,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	-8.3%	-18.0%

ROE (2024): 5.3% | +/- YoY ▲ 8.9%

DT thuần (Q4/24): 14.1 tỷ VNĐ | QoQ ▼ 1.00 ▼ 6.6% | YoY ▲ 0.30 ▲ 2.2%

DT thuần (2024): 78.6 tỷ VNĐ | YoY ▼ 3.70 ▼ 4.5%

LN gộp (Q4/24): -0.80 tỷ VNĐ | QoQ ▼ 1.59 ▼ 201% | YoY ▲ 5.45 ▲ 87.2%

LN gộp (2024): 9.23 tỷ VNĐ | YoY ▲ 27.5 ▲ 151%

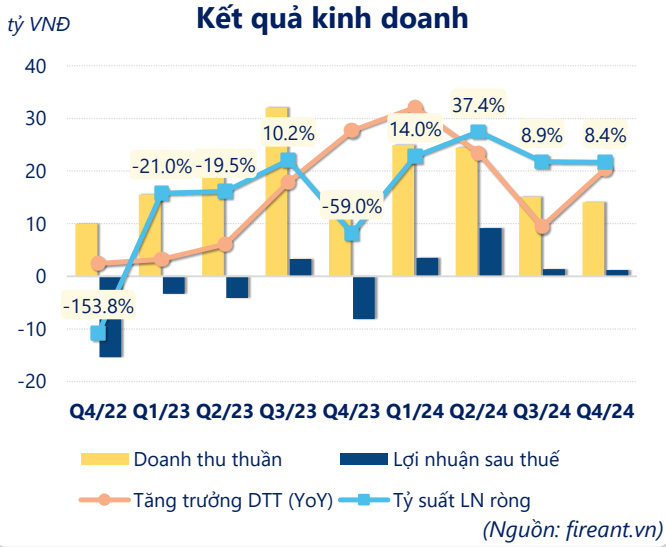
LN thuần (Q4/24): 1.30 tỷ VNĐ | QoQ ▼ 0.14 ▼ 9.5% | YoY ▲ 10.1 ▲ 115%

LN thuần (2024): 15.0 tỷ VNĐ | YoY ▲ 26.1 ▲ 235%

LN sau thuế (Q4/24): 1.18 tỷ VNĐ | QoQ ▼ 0.16 ▼ 11.8% | YoY ▲ 9.33 ▲ 114%

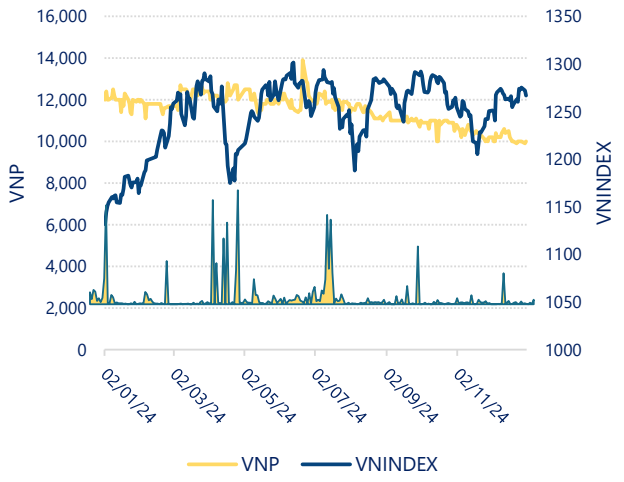
LN sau thuế (2024): 15.2 tỷ VNĐ | YoY ▲ 25.8 ▲ 243%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

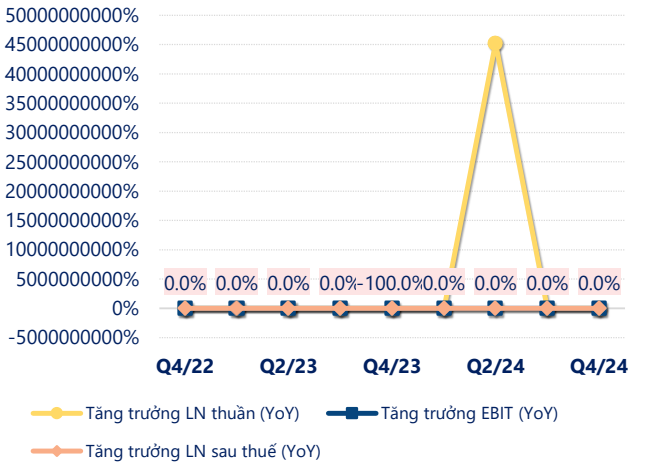
Lịch sử giá



CTCP Nhựa Việt Nam (UPCOM: VNP)

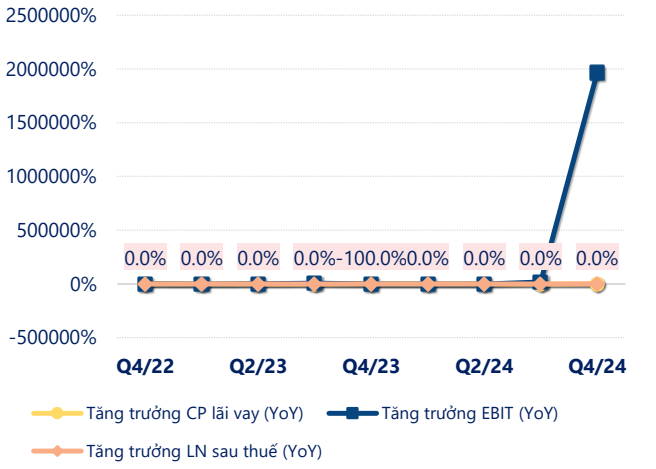
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



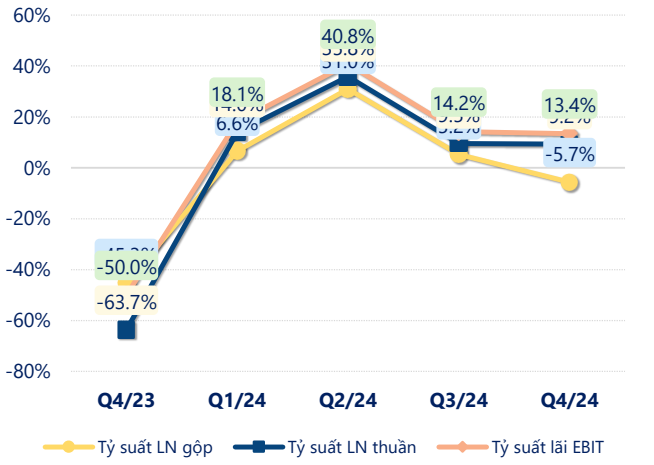
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



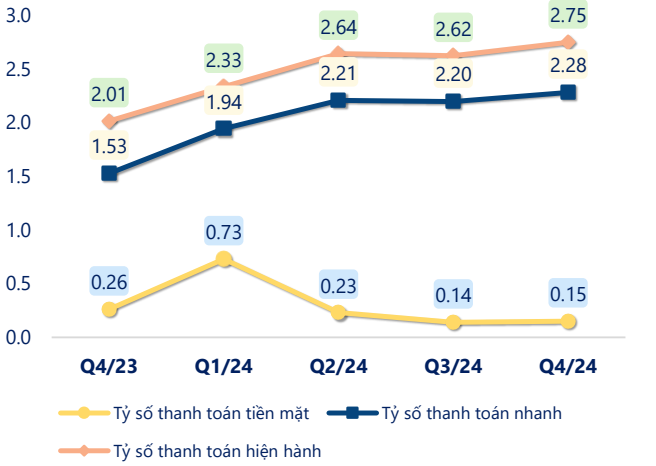
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



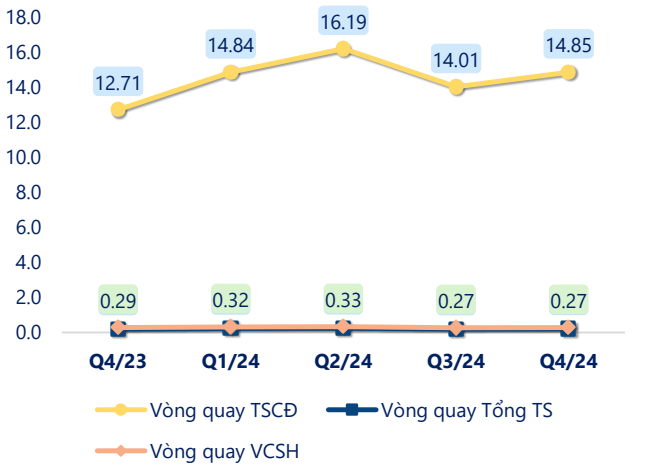
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



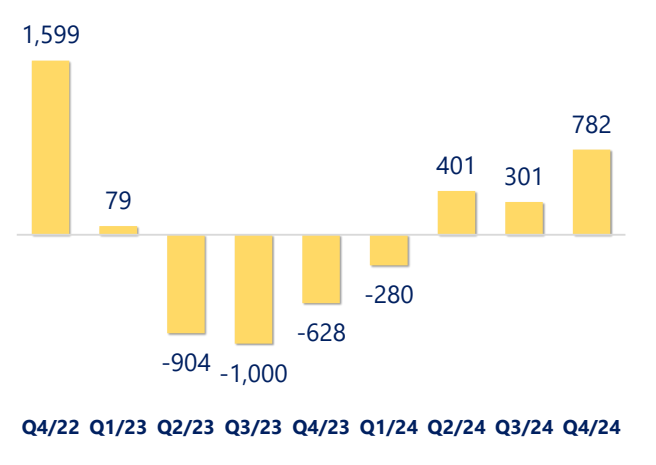
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

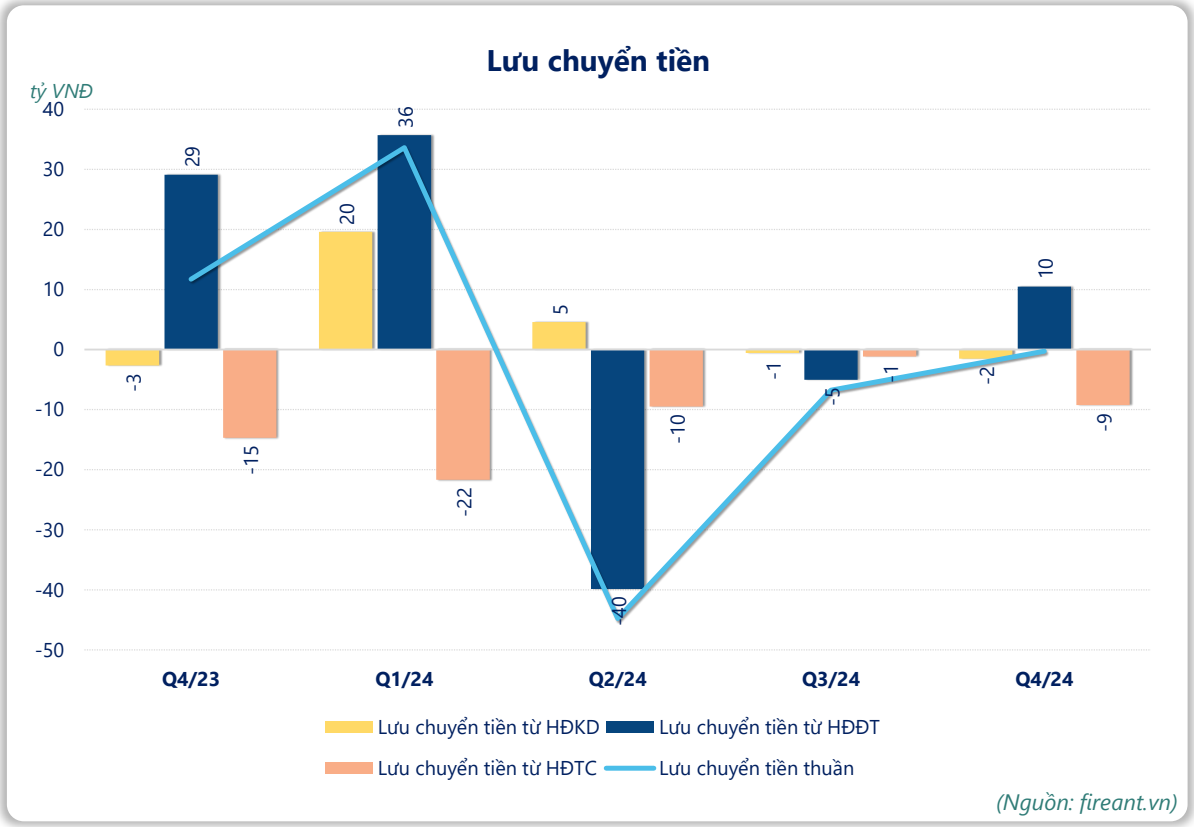


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Nhựa Việt Nam (UPCOM: VNP)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**14.1**	**13.8**	**2.2%**	**78.6**	**82.3**	**-4.5%**
Giá vốn hàng bán	14.9	20.0	-25.5%	69.4	101	-31.0%
Lợi nhuận gộp	-0.80	-6.25	87.2%	9.23	-18.3	151%
Doanh thu HĐTC	3.27	1.96	67.1%	7.83	10.8	-27.7%
Chi phí TC	0.73	2.36	-69.1%	5.06	5.29	-4.2%
Chi phí lãi vay	0.71	1.25	-43.0%	3.36	5.28	-36.4%
LN trong công ty LKLD	**3.94**	**2.53**	**55.7%**	**14.0**	**14.8**	**-5.1%**
Chi phí bán hàng	0.67	1.10	-39.4%	2.64	3.87	-31.8%
Chi phí QLDN	**3.72**	**3.57**	**4.1%**	**8.39**	**9.33**	**-10.0%**
LN thuần từ HĐKD	1.30	-8.79	115%	15.0	-11.1	235%
Lợi nhuận khác	**-0.12**	**0.64**	**-119%**	**0.17**	**0.53**	**-67.2%**
LN trước thuế	1.18	-8.15	114%	15.2	-10.6	243%
Lợi nhuận sau thuế	**1.18**	**-8.15**	**114%**	**15.2**	**-10.6**	**243%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.19**	**-8.14**	**115%**	**15.2**	**-10.6**	**244%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)